

Bản án số: 985/2026/DS-PT

Ngày: 19/5/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Đào Minh Đa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2026/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2603/2026/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6322/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Tố N, sinh năm 1980; địa chỉ: số C khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số D, đường số I, khu đô thị T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: số D, đường số I, khu đô thị T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1998; địa chỉ: xóm E, thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: số D đường số I, khu đô thị T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23/9/2025); ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1981; địa chỉ: số F đường G, khu Đ, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoài N1, sinh năm 2000; địa chỉ: số F G, phường H, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: số F đường số A, khu đô thị T,

khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/10/2025); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hoàng Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà Vũ Tô N và bà Hoàng Thị Thu H có mối quan hệ bạn bè. Vào tháng 5/2023, bà H ngõ ý vay tiền sử dụng vào mục đích riêng. Hai bên không lập giấy vay tiền, có thỏa thuận trả lãi suất hàng tháng nhưng không xác định rõ mức lãi suất cụ thể. Tổng số tiền bà H đã vay của bà N là 2.290.000.999đ (Lưu ý: xem lại số 999 này), được thực hiện qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 868686 (Ngân hàng TMCP P - OCB) của bà N đến tài khoản số 65110001672151 (Ngân hàng TMCP Đ1 - B) của bà H, cụ thể như sau:

Ngày 04/5/2023: Vay 300.000.000đ, thời hạn 30 ngày.

Ngày 18/12/2023: 240.000.000đ (tiền hui).

Ngày 20/5/2024: Vay 200.000.000đ.

Ngày 04/6/2024: Vay 850.000.000đ.

Ngày 18/7/2024: Vay 210.000.000đ.

Ngày 18/7/2024: Vay 490.000.000đ.

Ngày 19/9/2024, bà H đã trả cho bà N số tiền 900.000.000đ, còn nợ lại 1.390.000.999đ. Cùng ngày, bà H lập giấy nhận nợ, xác nhận còn nợ bà N số tiền 1.150.000.999đ (số tiền này chưa bao gồm khoản nợ hui ngày 18/12/2023) và xin gia hạn thanh toán từ 06 tháng đến 01 năm (tức đến ngày 19/9/2025). Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết, bà H vẫn không thanh toán dù bà N đã nhiều lần nhắc nhở. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Hoàng Thị Thu H trả số tiền 1.529.229.591 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 1.390.000.999 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn từ ngày 19/9/2024 đến ngày 19/9/2025 x 10%/năm là 139.000.099 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn từ ngày 20/9/2025 đến 23/9/2025 là 228.493đ (10%/năm x 150%).

- Yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất 150% x 10%/năm, tính từ ngày 24/9/2025 cho đến khi Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà N cho bà H vay hoàn toàn không thế chấp tài sản vì là chỗ quen biết nhau, tin tưởng nhau.

Ngày 23/12/2025, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu, cụ thể rút yêu cầu số tiền 240.000.000đ ghi nội dung “hui tran”. Chỉ yêu cầu bà H phải trả cho bà N số tiền gốc 1.150.000.999đ theo giấy xác nhận ngày 19/9/2024. Yêu cầu tính lãi suất trên số tiền gốc 1.150.000.999đ này từ ngày 20/9/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn trình bày:

Bà H và bà N quen biết với nhau, do có nhu cầu sử dụng tiền nên bà H vay tiền của bà N nhiều lần. Việc vay tiền này không thế chấp tài sản gì.

Ngày 19/9/2024, bà H và bà N cùng ký giấy nhận nợ để chốt lại số tiền bà H còn nợ bà N là 2.050.000.999đ. Cùng ngày, bà H trả cho bà N số tiền 900.000.000đ, số tiền nợ còn lại là 1.150.000.999đ. Các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 19/9/2025, không có thỏa thuận lãi suất cho vay.

Hiện nay bà N khởi kiện bà H yêu cầu trả số tiền gốc 1.390.000.999đ cùng tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là không đúng vì các lý do:

Tại giấy xác nhận nợ ngày 19/9/2024 chỉ thể hiện số tiền gốc còn nợ là 1.150.000.999đ, nên chỉ có thể xác định bà H còn nợ bà N số tiền này và hiện nay bà H cũng chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà N. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão lũ, việc làm ăn của bà H gặp nhiều khó khăn nên cần phải có thời gian để bà H tìm nguồn mới trả được cho bà N, thời gian bà H đề nghị là từ 06 tháng đến 01 năm sẽ thanh toán cho bà N.

Đối với số tiền 240.000.000đ bà N chuyển cho bà H ngày 18/12/2023 với nội dung “hui tran”, đây là số tiền bà N chơi hụi và nhờ bà H chuyển đóng hụi. Giữa bà H và bà N không có bất cứ giao dịch nào về hụi nên không đồng ý số tiền này.

Căn cứ theo giấy xác nhận ngày 19/9/2024 không có thỏa thuận lãi suất nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả là không đúng.

Do đó, bị đơn bà H chỉ đồng ý trả số tiền nợ 1.150.000.999đ theo giấy xác nhận ngày 19/9/2024, tuy nhiên chỉ đồng ý trả trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm; không đồng ý trả lãi suất.

Ngoài ra, bị đơn nhận thấy chữ ký tại đơn khởi kiện không phải của bà N, còn phần chữ ghi tên Vũ Tố N đã được đánh máy sẵn, không phải chữ viết tay của bà N. Do đó, khi nào bà H có tiền nộp chi phí giám định sẽ yêu cầu giám định chữ ký trong đơn khởi kiện của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận việc rút phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 240.000.000 đồng chuyển ngày 18/12/2023 có nội dung “hui tran”. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Tố N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) đối với bà Hoàng Thị Thu H.

Buộc bà Hoàng Thị Thu H có trách nhiệm trả ngay cho bà Vũ Tố N số tiền nợ gốc là 1.150.000.999 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi triệu, chín trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 20/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 43.164.421đ. Tổng số tiền buộc bà H có trách nhiệm trả ngay cho bà N là 1.193.165.420đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2026, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do bà N không ký vào đơn khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Thúc Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Phạm Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 240.000.000 đồng chuyển ngày 18/12/2023. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên là đúng quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là bà H thừa nhận chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 19/9/2024 và thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 1.150.000.999 đồng; đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn đồng ý trả nợ nhưng xin gia hạn thời gian từ 06 tháng đến 01 năm nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc 1.150.000.999 đồng là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Theo giấy nhận nợ ngày 19/9/2024, các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ là ngày 19/9/2025. Đến hạn trả nợ, bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 20/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2026) với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 43.164.421 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bị đơn kháng cáo yêu cầu giám định chữ ký của nguyên đơn bà N tại đơn khởi kiện vì cho rằng chữ ký này không phải của bà N. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn nộp đơn yêu cầu giám định sau khi đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; đồng thời, yêu cầu giám định này không phải đối với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình mà là đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện liên quan trực tiếp đến quyền lợi của bà N, do bà N nộp tại Tòa án; đồng thời bà N đã xác nhận nội dung khởi kiện và ủy quyền hợp pháp cho người đại diện tham gia tố tụng. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định chữ ký trong đơn khởi kiện là của bà N. Do đó, yêu cầu của người đại diện hợp pháp

của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án và yêu cầu giám định chữ ký là không có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Thu H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0012520 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (15), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết